

MULTIDIMENSIONAL POVERTY REDUCTION ENSURES QUALITY OF LIFE FOR ETHNIC MINORITIES IN THAI NGUYEN PROVINCE: REALITY AND CHALLENGES

Nguyen Thi Que Loan

TNU - University of Education

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 17/10/2022 Revised: 19/12/2022 Published: 19/12/2022	This research aims to understand the reality of multidimensional poverty and analyze the factors affecting multidimensional poverty among ethnic minorities. It also points out the causes of slow poverty reduction in some ethnic minority groups, thereby giving some recommendations in the process of implementing the national target program for sustainable poverty reduction and poverty reduction policies in order to ensure the quality of life for Thai Nguyen's ethnic minorities. The main methods used in the study are the quantitative method to understand the data on poor households of ethnic minorities and the qualitative method to understand the causes of poverty. The research results show that the poverty rate of ethnic minority households in Thai Nguyen decreased from 6.0% per year in 2016 to 3.37% in 2021. However, because the population mostly engaged in agriculture, basic labor and quickly impacted by changes in natural catastrophes, pandemic, a slight shock might force households that have just escaped poverty become poor again. Hence, it is essential to continue developing solutions that are appropriate for the current situation in order to eliminate poverty sustainably and enhance the quality of life for ethnic minorities.
KEYWORDS	
Multidimensional poverty	
Ethnic minorities	
Deficiency index	
Reality	
Quality of life	

GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CHO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH THÁI NGUYÊN: THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Thị Quế Loan

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 17/10/2022 Ngày hoàn thiện: 19/12/2022 Ngày đăng: 19/12/2022	Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng nghèo đa chiều và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo đa chiều, đồng thời chỉ ra nguyên nhân giảm nghèo chậm ở một số nhóm dân tộc thiểu số, từ đó đưa ra một số khuyến nghị trong quá trình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách giảm nghèo nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống cho các dân tộc thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên. Phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu là phương pháp định lượng để tìm hiểu dữ liệu về hộ nghèo người dân tộc thiểu số và phương pháp định tính để tìm hiểu về nguyên nhân nghèo. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên giảm từ 6,0% năm 2016 xuống còn 3,37% năm 2021. Tuy nhiên, một cú sốc nhỏ cũng có thể làm cho hộ mới thoát nghèo lại trở thành hộ nghèo bởi đồng bào chủ yếu sản xuất nông nghiệp, lao động giản đơn nên dễ bị ảnh hưởng bởi những biến đổi của thiên tai, dịch bệnh. Do đó, để giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cho các dân tộc thiểu số cần phải tiếp tục có những giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế.
TỪ KHÓA	
Nghèo đa chiều	
Dân tộc thiểu số	
Chỉ số thiếu hụt	
Thực trạng	
Chất lượng cuộc sống	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6685>

Email: loanntq@tnue.edu.vn

1. Giới thiệu

Từ năm 1993 đến nay, Việt Nam đã 08 lần ban hành chuẩn nghèo quốc gia theo mô hình tháp nhu cầu, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước từng thời kỳ¹, lấy đó là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội.

Tháng 9/2015, tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp Quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững, Việt Nam cam kết xóa bỏ tình trạng nghèo dưới mọi hình thức, không để bất cứ ai bị bỏ lại phía sau. Quan điểm của Chính phủ Việt Nam, nghèo đói cần được tiếp cận dưới góc nhìn đa chiều, bởi trong cùng một thời điểm người nghèo có thể phải đối mặt với nhiều bất lợi khác nhau; do đó, đánh giá nghèo cũng cần được tiếp cận rộng hơn với nhiều chiều cạnh [1], [2]. Ngày 19/11/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo theo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 [3].

Nghèo đa chiều được hiểu là tình trạng con người không được đáp ứng mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống [4]. Chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 của Việt Nam được xây dựng theo hướng sử dụng kết hợp cả chuẩn nghèo về thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản gồm 10 chỉ số: Dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin. Hộ nghèo ở khu vực nông thôn là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí: Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Hộ nghèo ở khu vực thành thị là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí: Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên [3].

Giai đoạn 2021 - 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều, trong đó năm 2021 tiếp tục thực hiện theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016 -2020; giai đoạn 2022 - 2025 kế thừa và phát triển chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 ở cấp độ, mức độ cao hơn về tiêu chí thu nhập và tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản [5]. Dựa theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, người nghèo sẽ được phân loại để tìm ra nguyên nhân nghèo, từ đó có chính sách hỗ trợ, giảm nghèo phù hợp.

Nghiên cứu về nghèo đa chiều đã được nhiều nhà khoa học quan tâm, Abina Alkire và James Foster trong nghiên cứu của mình đã chỉ rõ các thước đo đa chiều cung cấp một lăng kính thay thế mà qua đó, nghèo đói có thể được nhìn nhận và hiểu rõ hơn [6]. Tuy nhiên, việc đo lường nghèo đa chiều thông qua các chỉ số xã hội không đơn giản, do đó, cần phải có sự mở rộng các phương pháp tiếp cận giao nhau và liên minh truyền thống [7], [8]. Ở Việt Nam, việc chuyển đổi phương pháp đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều được đánh giá là có tính toàn diện, bao phủ hầu hết các nhu cầu, thiếu hụt của người nghèo, góp phần nâng cao hiệu quả giảm nghèo bền vững [8]. Mặc dù đạt được nhiều thành tựu về kinh tế và giảm nghèo, Việt Nam vẫn phải đối mặt nhiều thách thức như chênh lệch về mức sống giữa các nhóm dân cư, đô thị hóa, biến đổi khí hậu và gần đây nhất là đại dịch COVID-19 [9], [10].

Thái Nguyên là địa phương đa dân tộc, trong đó, hộ dân tộc thiểu số chiếm 28,3% tổng số hộ toàn tỉnh [11]. Mặc dù chỉ chiếm 28,3% nhưng số hộ nghèo là dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm 41,46% tổng hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên. Trong nhóm DTTS, tuy cùng được hưởng nhiều chính sách ưu tiên và chương trình can thiệp của Trung ương và địa phương, song có những nhóm DTTS thoát nghèo thành công trong khi một số nhóm khác vẫn chậm cải thiện.

Trên cơ sở phân tích thực trạng và yếu tố ảnh hưởng đến nghèo đa chiều của các DTTS, nghiên cứu chỉ ra nguyên nhân chậm thoát nghèo, từ đó, đề xuất một số giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách giảm nghèo nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống cho người dân.

¹ Đó là các giai đoạn: 1993 - 1995, 1995 - 1997, 1997 - 2000, 2001 - 2005, 2006 - 2010, 2011 - 2015, 2016 - 2020, 2021-2025.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này chủ yếu dựa trên việc tổng quan và phân tích các tài liệu được xuất bản, các dữ liệu thứ cấp từ năm 2015 đến năm 2021 liên quan đến đói nghèo ở các DTTS, tình hình kinh tế - xã hội, các chính sách về giảm nghèo và liên quan đến giảm nghèo trong bối cảnh ở Việt Nam cũng như ở tỉnh Thái Nguyên.

Hai phương pháp được áp dụng trong nghiên cứu là phương pháp định lượng và định tính. Phương pháp định lượng được sử dụng tìm hiểu dữ liệu về hộ nghèo DTTS từ các quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn đa chiều từ 2016-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

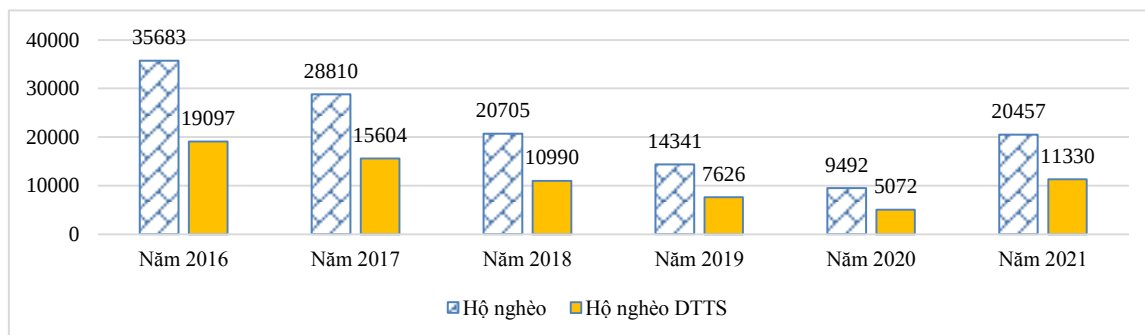
Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua điền dã dân tộc học tại các địa bàn của tỉnh Thái Nguyên có nhiều DTTS sinh sống. Do giới hạn về kinh phí nên công cụ chính được sử dụng trong quá trình nghiên cứu là quan sát và phỏng vấn sâu. Đối tượng phỏng vấn gồm 30 người đại diện cho Ban Dân tộc, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên, lãnh đạo Ủy ban Nhân dân (UBND) một số huyện, xã. Đại diện các hộ nghèo, hộ cận nghèo người DTTS thuộc các huyện: (i) huyện Đồng Hỷ gồm xóm Bản Tền - xã Văn Lăng; xóm Mỏ Ba, xóm Lân Quan - xã Tân Long; xóm Tam Thái - xã Hoá Thượng; (ii) huyện Võ Nhai gồm xóm Chòi Hồng - xã Tràng Xá; (iii) huyện Phú Lương gồm xóm Na Pặng - xã Ôn Lương.

Tất cả đối tượng tham gia phỏng vấn đều được giải thích rõ ràng về mục tiêu, nội dung và đồng ý tham gia trên cơ sở tự nguyện. Những thông tin từ các cuộc phỏng vấn được tác giả tổng hợp phân tích nhưng những thông tin định danh đều không được đưa ra trong nghiên cứu theo yêu cầu của các cá nhân tham gia.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Hiện trạng nghèo đa chiều ở các DTTS tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là nơi hội tụ, sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc, trong đó, các dân tộc thiểu số chiếm 28,32 % dân số toàn tỉnh [12]. Địa bàn sinh sống của các DTTS chủ yếu ở các xóm, các xã vùng sâu thuộc 5 huyện Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương, Đồng Hỷ, Đại Từ. Đây là những địa phương còn nhiều khó khăn, kinh tế - xã hội chưa phát triển, tỷ lệ hộ nghèo cao. Trong những năm qua, tỉnh Thái Nguyên đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án, chính sách dân tộc nhằm nâng cao đời sống cho các hộ nghèo DTTS như: Chính sách hỗ trợ y tế; hỗ trợ về giáo dục - đào tạo cho học sinh nghèo; hỗ trợ nhà ở; hỗ trợ tiền điện; hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm... Nhờ vậy, tình hình kinh tế - xã hội của các DTTS tỉnh Thái Nguyên không ngừng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều DTTS giảm nhanh (hình 1).



Hình 1. Tổng hợp hộ nghèo đa chiều ở tỉnh Thái Nguyên (2016-2021)

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ tài liệu [11]-[16])

Số liệu trên hình 1 cho thấy, trong vòng 6 năm, số hộ nghèo đa chiều DTTS ở tỉnh Thái Nguyên đã giảm đáng kể. Nếu như năm 2016, số hộ nghèo đa chiều là 19.097 hộ thì đến năm 2019 giảm xuống còn 7.626 hộ và năm 2020 chỉ còn 5.072 hộ. Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch

COVID-19 kéo dài trong 2 năm, đồng thời do chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn mới (2021-2025) với các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều cao hơn, nên nhiều hộ gia đình mới thoát nghèo trong 2 - 3 năm chưa đạt được sự ổn định lại rơi vào diện tái nghèo. Điều này cho thấy, để thoát nghèo bền vững, các DTTS còn đối diện với nhiều thách thức bởi đồng bào chủ yếu sản xuất nông nghiệp, lao động giản đơn nên dễ bị ảnh hưởng bởi những biến đổi của thiên tai, dịch bệnh...

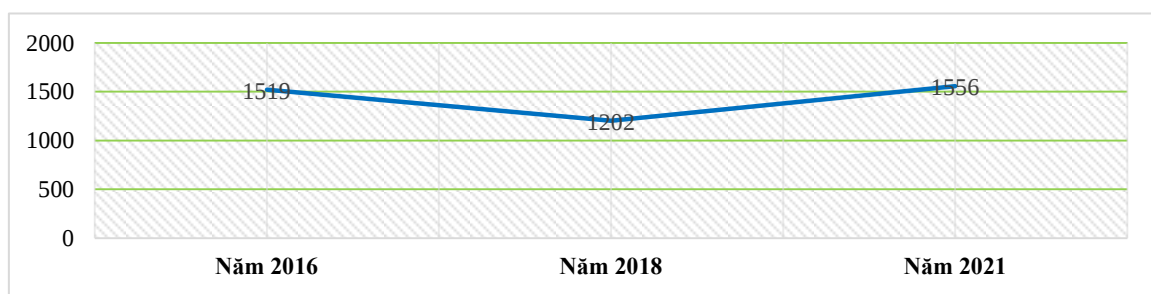
Kết quả thống kê hộ nghèo đa chiều theo dân tộc trên bảng 1 cũng cho thấy, dù tất cả các nhóm dân cư đều được hưởng lợi từ nhiều chính sách và chương trình giảm nghèo của Chính phủ, địa phương, nhưng tỷ lệ nghèo đa chiều của người Kinh so với tỷ lệ nghèo đa chiều của DTTS có sự khác biệt. Năm 2021, số hộ dân tộc Kinh chiếm 71,67% tổng dân số toàn tỉnh, số hộ nghèo đa chiều chiếm 44,616%; trong khi đó, số hộ là DTTS chỉ chiếm 28,32% dân số của tỉnh, nhưng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều DTTS chiếm tới 41,46% tổng số hộ toàn tỉnh.

Bảng 1. Thống kê hộ nghèo theo nhóm dân tộc của tỉnh Thái Nguyên năm 2016 và năm 2021

Hộ	Hộ nghèo										
	TS hộ dân cư	TS hộ nghèo	TS hộ nghèo DTTS	Kinh	Tày	Nùng	Sán Dìu	Dao	Mông	Sán Chay	Khác
Năm 2016											
Số lượng	318.323	35.683	19.097	16.586	7.554	3.597	3.673	1.878	1.519	701	175
Tỷ lệ (%)	100	11,21	53,52	46,48	21,16	10,08	10,29	5,26	4,25	1,96	0,49
Năm 2021											
Số lượng	335.514	20.457	11.330	9.127	4.725	1.321	1.154	1.881	1.556	553	140
Tỷ lệ (%)	100	6,09	55,384	44,616	23,10	6,46	5,64	9,19	8,20	2,7	0,68

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ tài liệu [12], [13], [18], [19])

Đáng chú ý, trong các nhóm DTTS, dân tộc Sán Dìu có số hộ nghèo đa chiều giảm nhanh từ 3.673 hộ (tỷ lệ 10,29%) năm 2016 xuống còn ở mức thấp 1.154 hộ (tỷ lệ 5,64%) vào năm 2021. Các nhóm DTTS Tày, Nùng, Sán Chay cũng có tỷ lệ nghèo đa chiều tương đối thấp và tỷ lệ giảm nghèo nhanh. Trong khi đó, một số dân tộc khác như Mông, Dao lại có tỷ lệ nghèo cao so với tổng số dân và tốc độ giảm nghèo chậm. Đặc biệt như dân tộc Mông, mặc dù tỷ lệ nghèo đa chiều đã giảm đáng kể trong giai đoạn 2016-2021 so với tổng số hộ nghèo trong tỉnh, nhưng vẫn ở mức cao so với tổng số dân tộc Mông và số hộ nghèo mới hoặc tái nghèo năm 2021 tăng lên khá nhiều (hình 2).



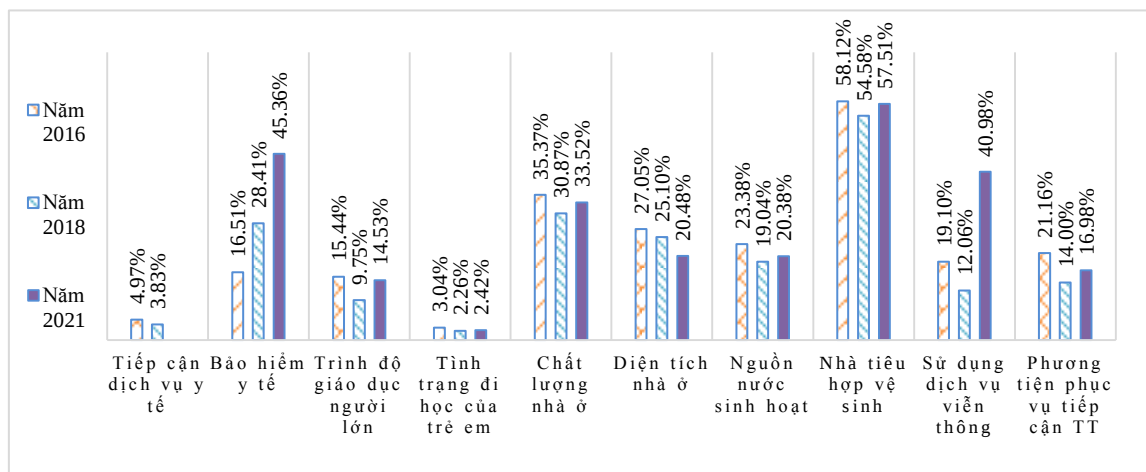
Hình 2. Thống kê số hộ nghèo đa chiều dân tộc Mông
(Nguồn: [11], [17])

Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số nghèo đa chiều trong thời kỳ 2016-2018 đều giảm xuống. Từ 2018-2021 chỉ số diện tích nhà ở tiếp tục giảm từ 25,10% năm 2018 xuống 20,48% năm 2021, còn lại các chỉ số khác đều tăng (hình 3).

Trong các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo đa chiều, mức độ thiếu hụt lớn nhất là chỉ tiêu nhà tiêu hợp vệ sinh², đây cũng là chỉ tiêu thiếu hụt tồn tại dai dẳng nhất ở các hộ gia đình DTTS. Kết quả phỏng vấn cho thấy, do đời sống của các hộ gia đình DTTS còn rất

² Theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, nhà tiêu hợp vệ sinh bao gồm các tiêu chí: Có phần bể chứa cô lập chất thải của con người; phần trên của nhà tiêu phải sạch sẽ và dễ lau chùi, phần bể chứa phân hoặc điếm xả phải cách xa nguồn nước ít nhất là 10 mét so với nguồn nước ăn uống; đảm bảo sự kín đáo và bảo vệ người sử dụng khỏi các yếu tố thời tiết bên ngoài. Cần thiết phải có vòi rửa tay và có xà bông.

nghèo nên để đầu tư xây dựng nhà tiêu như đúng quy chuẩn là điều khó thực hiện. Với các hộ gia đình DTTS người Mông, mặc dù chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường cùng với đề án 2037/QĐ-UBND tỉnh Thái Nguyên về “*Phát triển kinh tế-xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020*” đã có phần kinh phí hỗ trợ đồng bào xây nhà tiêu nhưng số kinh phí hỗ trợ thấp [18], không đáp ứng được nhu cầu thực tế của các hộ nghèo. Bên cạnh đó, đa số các hộ gia đình DTTS nghèo sống bằng nghề nông, thói quen lạc hậu trong hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường của người dân cũng là “rào cản” trong nỗ lực thực hiện tiêu chí bảo đảm nhà tiêu hợp vệ sinh, nâng cao chất lượng môi trường sống của đồng bào.



Hình 3. Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo đa chiều (so với tổng số hộ nghèo) (Nguồn: [12], [14], [11])

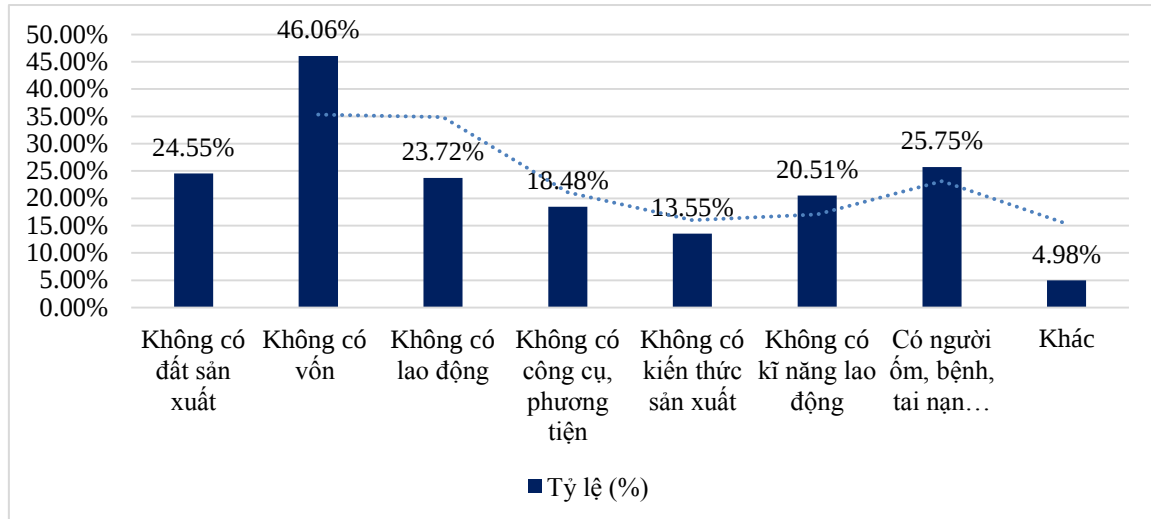
Bên cạnh chỉ tiêu nhà tiêu hợp vệ sinh, chỉ số thiếu hụt bảo hiểm y tế cũng tăng năm 2021 là do việc phê duyệt danh sách các xã khu vực 3, 2, 1 thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861 ngày 4/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 433 ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS, miền núi giai đoạn 2021-2025. Theo đó, nhiều hộ gia đình không còn thuộc đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế. Cùng với những tác động nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, do đời sống của người dân còn nhiều khó khăn, nên việc trích một khoản tiền để mua thẻ bảo hiểm y tế cũng là lựa chọn không dễ dàng đối với nhiều hộ gia đình ở diện nghèo, cận nghèo.

3.2. Nguyên nhân dẫn đến nghèo đa chiều của các DTTS tỉnh Thái Nguyên

Ranh giới giữa hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo rất mong manh. Chỉ cần một cú sốc nhỏ cũng có thể làm cho hộ mới thoát nghèo lại trở thành hộ nghèo. Đại dịch COVID-19 kéo dài hơn 2 năm đã tác động tiêu cực, làm trầm trọng hơn những khó khăn vốn có ở vùng DTTS và miền núi, đặc biệt là các hộ gia đình có thu nhập thấp, không có tích lũy hoặc tích lũy ít. Chính vì vậy, những hộ gia đình này dễ rơi vào tình trạng nghèo hoặc tái nghèo.

Nguyên nhân dẫn đến nghèo hoặc tái nghèo của các hộ gia đình DTTS khá nhiều, được liệt kê trong hình 4. Trong các yếu tố trên, các hộ không có vốn sản xuất, vốn kinh doanh chiếm tỷ lệ cao nhất (46,06%). Nguyên nhân tiếp theo khiến cho hộ gia đình nghèo là có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn... (25,75%). Trong bối cảnh dịch COVID-19 kéo dài với việc thực hiện giãn cách xã hội, thu nhập giảm sút khiến cho việc chăm sóc sức khỏe cho người bệnh, cung cấp thuốc cho những người bị bệnh mãn tính hoặc bị tai nạn càng trở thành gánh nặng của các gia đình khiến cho họ rơi vào tình trạng khó khăn chồng chất. Tình trạng có sức lao động nhưng không có đất sản xuất do quỹ đất canh tác ngày càng thu hẹp bởi gia tăng dân số nhanh của nhiều hộ gia đình

DTTS (24,55%) khiến người dân loay hoay tìm kế sinh nhai; nhiều lao động chính trong gia đình đi làm thuê, công việc, thu nhập không ổn định nên khi dịch bệnh xảy ra, họ dễ bị mất việc làm, bị nghỉ việc không có lương (20,52%).



Hình 4. Các yếu tố tác động đến nghèo đa chiều
(Nguồn: [12], tr.21)

Tình trạng nghèo do không có lao động, có lao động nhưng không chăm lao động phần lớn rơi vào những hộ gia đình ở vùng sâu vùng xa (23,72%). Xóm Bản Tền - xã Văn Lãng - huyện Đồng Hỷ có 137 hộ (100% người Mông) thì có đến 121 hộ nghèo và 6 hộ cận nghèo; xóm Mỏ Ba có 104 hộ, có 84 hộ nghèo, 16 hộ cận nghèo; xóm Lân Quan có 108 hộ, 82 hộ nghèo, 19 hộ cận [17], những hộ còn lại luôn có nguy cơ trở thành hộ nghèo hoặc cận nghèo. Trong số những hộ nghèo ở các xóm nói trên, có những hộ thuộc diện thiếu đất sản xuất, nhà đông miệng ăn; song cũng không ít những hộ gia đình đàn ông trong độ tuổi lao động, khoẻ mạnh nhưng không đi làm, chưa chăm chỉ, chăm uống rượu hơn chăm làm và không có ý chí vươn lên thoát nghèo [20]. Tâm lý trông chờ, ỷ lại để được thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước khiến một số người bằng lòng với cái nghèo, không muốn thoát nghèo, tạo nên rào cản và sức ỳ khiến cho cái nghèo tồn tại dai dẳng ở các hộ gia đình này.

Trong khi có rất nhiều chính sách, chương trình của Chính phủ, địa phương ưu tiên cho đối tượng thụ hưởng là đồng bào DTTS thì kết quả giảm nghèo đa chiều của các DTTS nói trên rõ ràng đặt ra vấn đề quan trọng rằng, nếu không có những điều chỉnh, giải pháp mang tính bước ngoặt thì nghèo sẽ có thể trở thành một hiện tượng gắn với DTTS trong thời gian vài năm tới.

3.3. Một số giải pháp giảm nghèo đa chiều của các DTTS tỉnh Thái Nguyên

Để công tác giảm nghèo cho các DTTS bền vững, tỉnh Thái Nguyên cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau đây:

(i) Thực hiện phân công cán bộ, đảng viên đến từng hộ nghèo lâu năm khảo sát, tìm hiểu nguyên nhân nghèo, từ đó xác định giải pháp phù hợp; giám sát, nắm bắt thông tin đối với các hộ mới thoát nghèo để có biện pháp giảm thiểu tái nghèo.

(ii) Tập trung hỗ trợ người nghèo giải quyết vấn đề cốt lõi nhất đó là việc làm có thu nhập ổn định. Với những người trẻ tuổi, thực hiện tốt công tác đào tạo nghề trên cơ sở xác định rõ đào tạo nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp/hợp tác xã/các mô hình sản xuất của địa phương.

(iii) Tỉnh Thái Nguyên cần tiếp tục rà soát, giảm dần các chính sách hỗ trợ mang tính bao cấp, riêng lẻ theo từng hộ gia đình, không mang tính xã hội, đồng thời tăng cường các chính sách hỗ trợ dự án giảm nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch phù hợp với từng địa bàn.

Tăng cường truyền thông khơi dậy tính tự chủ, ý chí vươn lên thoát nghèo của người dân, bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

(iv) Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho những hộ gia đình thiếu đất ở, thiếu đất sản xuất, tư liệu sản xuất; hỗ trợ người dân tìm việc làm, tạo việc làm. Với những hộ ít đất sản xuất sống bằng nghề nông, hướng dẫn họ *chuyển đổi cây trồng, vật nuôi* có giá trị kinh tế, phù hợp với thổ nhưỡng và điều kiện sản xuất; đối với các gia đình nghèo do bệnh tật, tai nạn, nên không có lao động, không thể thoát nghèo thì xếp vào diện bảo trợ xã hội thường xuyên để có kế hoạch vận động các tổ chức xã hội hỗ trợ và thực hiện chính sách xã hội để bảo đảm an sinh cho các hộ gia đình này.

(v) Củng cố mạng lưới y tế cơ sở. Thực hiện điều động luân chuyển cán bộ y tế có tay nghề cao về công tác có thời hạn ở vùng đặc biệt khó khăn và có chính sách thỏa đáng để khuyến khích họ làm việc. Quan tâm chăm sóc sức khỏe, tổ chức khám chữa bệnh giảm phí cho người nghèo, thậm chí là miễn phí với dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã tổng kết những thành tựu đã đạt được trong thực hiện công tác giảm nghèo đa chiều từ 2016-2021 ở tỉnh Thái Nguyên. Từ phân tích nguyên nhân nghèo, nghiên cứu đã chỉ ra những thách thức trong thực hiện công tác giảm nghèo giai đoạn 2021 – 2025 của tỉnh Thái Nguyên đó là: (i) Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo còn cao, nhất là ở các xóm đông người Mông sinh sống, đây cũng là nhóm dân cư có tốc độ giảm nghèo chậm, luôn đứng trước nguy cơ tái nghèo; (ii) phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo người DTTS sinh sống ở vùng vùng sâu, vùng xa, không có chuyên môn nghiệp vụ, thiếu kỹ năng nghề nghiệp, khó tiếp cận và cạnh tranh trên thị trường việc làm, do đó sinh kế, thu nhập không bền vững; (iii) Các hộ gia đình DTTS diện nghèo, cận nghèo đều trong tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, lạc hậu, manh mún, mang nặng tính tự sản, tự tiêu với cây trồng chủ yếu là cây lương thực ngắn ngày, thiếu ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và sự liên kết trong sản xuất với kết nối thị trường; (iv) tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất vẫn chưa được giải quyết; (v) cơ sở vật chất, nhân lực của các trạm y tế xã ở vùng DTTS còn thiếu, yếu, chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế kém, chưa tạo được niềm tin của người dân vào chất lượng dịch vụ y tế cơ sở. Tỷ lệ hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế đạt mục tiêu chủ yếu do tỉnh sử dụng ngân sách trung ương, địa phương hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, đến khi không được hỗ trợ người dân cũng không mặn mà tham gia bảo hiểm y tế. Những thách thức nêu trên đòi hỏi tỉnh Thái Nguyên phải thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp, trong đó, vấn đề cốt lõi nhất là hỗ trợ người dân tìm việc làm để có thu nhập ổn định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Vietnam Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs, *Master Project on Transforming Poverty Measurement Approach from Single-Dimensional Income-Based to Multi-Dimensional, Applied in the 2016-2020 period*, Ha Noi, 2015.
- [2] Vietnam Prime Minister, *Decision No. 1614/QĐ-TTg dated September 15, 2015 approving the master project "Transforming the poverty measurement approach from one-dimensional to multi-dimensional application for the period 2016-2020"*, Ha Noi, 2015.
- [3] Vietnam Prime Minister, "Decision No. 59/2015/QĐ-TTg dated November 19, 2015 on promulgating multi-dimensional poverty line for the period 2016 - 2020," November 19, 2015. [Online]. Available: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi>. [Accessed March 5, 2022].
- [4] N. A. Dang, "Multidimensional poverty in Vietnam: Some policy and practical issues," November 13, 2015. [Online]. Available: <https://vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van>. [Accessed May 3, 2022].
- [5] Vietnam Prime Minister, "Decree No. 27/2021/ND-CP stipulating the multidimensional poverty line for the period 2021-2025," January 27, 2021. [Online]. Available: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-07-2021-ND-CP>. [Accessed 5/3/2022].
- [6] A. A. A. J. Foster, "Understandings and Misunderstandings of Multidimensional Poverty Measurement," *The Journal of Economic Inequality*, vol. 9, pp. 289-314, 2021.

-
- [7] S. Alkire, "Counting and multidimensional poverty measurement," *Journal of Public Economics*, vol. 95, pp. 476-487, 2021.
- [8] T. D. B. R. Baranowski and J. Baranowski, "Behavioral science in video games for children's diet and physical activity change: Key research needs," *Journal of Diabetes Science and Technology*, vol. 5, no. 2, pp. 229-233, 2011.
- [9] T. H. Hoang and T. T. H. Tran, "Some Assessments of Multidimensional Poverty in Vietnam 2016-2020," *Journal of Economics and Forecasting*, vol. 30, pp. 7-12, 2021.
- [10] Vietnam Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs, "Multidimensional Poverty Report in Vietnam: Reducing Poverty in All Dimensions to Ensure a Quality Life for All," December 20, 2018. [Online]. Available: <https://vietnam.opendevlopmentmekong>. [Accessed May 20, 2022].
- [11] UNICEF Viet Nam and GSO, "Situation and trends of multidimensional child poverty in Viet Nam," 2021. [Online]. Available: <https://www.unicef.org/vietnam/media.pdf>. [Accessed May 20, 2022].
- [12] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *Decision No. 4383 dated December 31, 2021 on approving the results of the review of poor households and near-poor households in 2021 according to the multidimensional poverty line for the period 2022-2025*, Thai Nguyen, 2021.
- [13] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *Decision No. 459/QD-UBND dated March 4, 2016 approving the results of the census of poor households and near-poor households according to multidimensional poverty standards applicable for the period 2016-2020*, Thai Nguyen, 2016.
- [14] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *Decision No. 235/QD-UBND dated January 25, 2018 approving the results of the review of poor and near-poor households in 2017 in Thai Nguyen province* The People's Committee, Thai Nguyen, 2018.
- [15] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *Decision No. 154/QD-UBND dated January 18, 2018 approving the results of the review of poor and near-poor households in 2018 in Thai Nguyen province*, Thai Nguyen, 2019.
- [16] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *Decision No. 45/QD-UBND dated January 9, 2020 on approving the results of the review of poor and near-poor households in 2019 in Thai Nguyen province* People's Committee, Thai Nguyen, 2020.
- [17] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *Decision No. 4084/QD-UBND dated December 25, 2020 on approving the results of the review of poor and near-poor households in 2020 in Thai Nguyen province*, Thai Nguyen, 2020.
- [18] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *The report summarizing 25 years of implementation of Directive No. 45-CT/TW, dated 23/9/1994 of the Secretariat (Session VII) attached to the Conclusion 64-KL/TW on continuing to implement some works in the Mong ethnic minority area*, Thai Nguyen, 2019.
- [19] Thai Nguyen Provincial People's Committee, *Decision No. 2037/QD-UBND dated September 16, 2014 on approving the Project "Socio-economic development, production stabilization and life" especially disadvantaged hamlets have many Mong ethnic people living in Thai Nguyen province by 2020*, Thai Nguyen, 2014.
- [20] T. Q. L. Nguyen, "The role of Hmong women in family in Thai Nguyen province," in *The 2nd International Conference on Science, Technology and Society Studies (STS) 2021*, HUTECH, pp.873-883, 2022.